

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DSST

Ngày 25/5/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Vi Thị Kiều Chi.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 347/2019/TLST- DS ngày 10/7/2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST - DS ngày 15/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/5/2021/QĐST- DS ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN; Địa chỉ trụ sở: Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Agribank Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Bà Hồ Thị Tuyết M; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN- Chi nhánh T- B Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Kim A, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN, chi nhánh T-B Đắk Lắk; Địa chỉ trụ sở: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh D, anh Trần Phi N; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Thế T1; Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Mai Thị L; Địa chỉ: Thôn 5, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Ngọc S, chức vụ: Chi cục trưởng; địa chỉ trụ sở: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn không tham gia phiên tòa xét xử.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Kim A trình bày có nội dung như sau:

Ngày 26/01/2011, bên vay vốn là bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 5220LAV201100049 với số tiền vay là 550.000.000 đồng, lãi suất tiền vay trong hạn ghi trên Hợp đồng tín dụng là 19%/năm, lãi suất phạt nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay trong hạn, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/01/2012. Đã quá hạn trả nợ gốc, lãi từ ngày 27/01/2012. Đến ngày 13/04/2012 khách hàng đã trả gốc 60.000.000 đồng và trả lãi đến hết ngày 24/10/2011 và được điều chỉnh lãi suất xuống 8%/ năm, lãi suất quá hạn là 0%/ năm từ ngày 25/10/2011. Dư nợ hiện tại là 490.000.000 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nói trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011 đã được chứng thực bởi văn phòng công chứng Đại A và đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật, T sản thế chấp bảo đảm tiền vay cụ thể là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 377232, thửa đất số 17, tờ bản đồ 40, mang tên bà Nguyễn Thị T.

Tính đến ngày 31/07/2019, bên vay vốn là bà Nguyễn Thị T còn dư nợ vay gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng nói trên tại Ngân hàng với tổng số tiền là 801.197.778 đồng, trong đó nợ gốc đã quá hạn là 490.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 311.197.778 đồng.

Bên vay vốn là bà Nguyễn Thị T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã cam kết. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết buộc bên vay là bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng với tổng số tiền là 801.197.778 đồng, trong đó nợ gốc là 490.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 31/07/2019 là 311.197.778 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/08/2019 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất ghi trên Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bên vay là bà Nguyễn Thị T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, sau khi bà T trả xong khoản nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp cho bà T. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung như sau:

Ngày 26/01/2011, bên vay vốn là bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 5220LAV201100049 với số tiền vay là 550.000.000 đồng, lãi suất tiền vay trong hạn ghi trên Hợp đồng tín dụng là 19%/năm, lãi suất phạt nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay trong hạn, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/01/2012. Đã quá hạn trả nợ gốc, lãi từ ngày 27/01/2012. Đến ngày 13/04/2012 khách hàng đã trả gốc 60.000.000 đồng và trả lãi đến hết ngày 24/10/2011 và được điều chỉnh lãi suất xuống 8%/ năm, lãi suất quá hạn là 0%/ năm từ ngày 25/10/2011. Dư nợ hiện tại là 490.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011 là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 377232, thửa đất số 17, tờ bản đồ 40, mang tên bà Nguyễn Thị T.

Nay Ngân hàng khởi kiện bà T xác định còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 801.197.778 đồng, trong đó nợ gốc là 490.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 31/07/2019 là 311.197.778 đồng. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin có thời gian thu xếp trả cho Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì cũng đồng ý cho xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thi hành án. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh L, anh Nguyễn Thanh D, anh Trần Phi N:

Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được.

Tại bản tự khai ông Đỗ Thế T trình bày có nội dung sau:

Vào năm 2007 ông T1 có nhận chuyển nhượng của bà T diện đất 90m², thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 40, khi nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông T1 chuyển nhượng lại cho ông lại cho ông Đ, bà Lý đến năm 2016 các bên tranh chấp thì đã được giải quyết tại Bản án số 36/2016/DSST, ngày 18/5/2016 của tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk hiện Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay bà T có thể chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 377232, thửa đất số 17, tờ bản đồ 40 vay vốn Ngân hàng không trả được nợ nên Ngân hàng đề nghị cho phát mại T sản thì ông T1 không có ý kiến, yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ và bà Mai Thị Lý trình bày có nội dung như sau:

Năm 2009, vợ chồng ông Đ có nhận chuyển nhượng của ông T1 01 lô đất diện tích 90m² trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4, với số tiền 200.000.000 đồng, thuộc một phần thửa đất 17, tờ bản đồ số 40. Sau đó, giữa vợ chồng ông Đ và ông T1 xảy ra tranh chấp ông Đ đã khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T1. Vụ việc đã được giải quyết tại bản án số 36/2016/DSST ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nay bà T có thể chấp quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 377232, thửa đất số 17, tờ bản đồ 40 vay vốn Ngân hàng không trả được nợ nên Ngân hàng đề nghị cho phát mại T sản thì ông Đ, bà L không có ý kiến, yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại văn bản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày có nội dung như sau:

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đang tổ chức thi hành Bản án số 36/2016/DSST ngày 16/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án số 148/2016/DS-PT ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, để bảo đảm quyền lợi cho các đương sự và việc thi hành các bản án trên đề nghị Tòa án khi có bản án thông báo cho chi cục thi hành án dân sự thành phố buôn ma thuột được biết để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến 31/07/2019 là 801.197.778 đồng

Nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho phát mại T sản thế chấp tại đồng thế chấp để bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Long, anh Dũng, anh Nam, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn không tham gia phiên tòa, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 26/01/2011, bên vay vốn là bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 5220LAV201100049 với số tiền vay là

550.000.000 đồng, lãi suất tiền vay trong hạn ghi trên Hợp đồng tín dụng là 19%/năm, lãi suất phạt nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay trong hạn, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/01/2012. Đã quá hạn trả nợ gốc, lãi từ ngày 27/01/2012. Đến ngày 13/04/2012 bà T đã trả gốc 60.000.000 đồng và trả lãi đến hết ngày 24/10/2011 và được điều chỉnh lãi suất xuống 8%/ năm, lãi suất quá hạn là 0%/ năm từ ngày 25/10/2011. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011. Đến hạn trả nợ bị đơn không trả được nợ và cũng không đồng ý giao T sản thế chấp cho Ngân hàng xử lý nên nguyên đơn ngân hàng khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của khoản vay trên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN số tiền tính đến ngày 31/07/2019 là 801.197.778 đồng, trong đó nợ gốc là 490.000.000 đồng và nợ lãi là 311.197.778 đồng.

Bị đơn phải tiếp tục trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh, trên số dư nợ gốc kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5220LAV201100049, ngày 26/01/2011.

[4]. Sau khi, bị đơn bà Nguyễn Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh T- B Đắc Lắc có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản, giấy tờ đã thế chấp cho bị đơn bà Nguyễn Thị T tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011 là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 377232 do ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 31/03/2010.

[5]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011, giữa nguyên đơn và bị đơn bà T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực buộc các bên phải tuân thủ thực hiện. Vì vậy, trường hợp bị đơn bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì toàn bộ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011, được phát mại theo quy định của pháp luật để bảo đảm cho việc thi hành án.

[6]. Xét ý kiến của bị đơn bà T đồng ý trả tổng số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, nhưng cần có thời gian để thu xếp trả nhưng nguyên đơn không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[7]. Đối với quyền và lợi ích hợp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thế T1, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Mai Thị L đã được giải quyết tại Bản án số 36/2016/DSST ngày 16/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Bản án số 148/2016/DS-PT ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đang tổ chức thi hành thì tiếp tục được bảo đảm tại 02 Bản án trên và chi cục Thi hành án tổ chức thi hành theo đúng quy định của pháp luật.

[8]. Đối với việc ông T1 có nhận chuyển nhượng của bà T diện đất 90m² và xây dựng 01 căn nhà cấp 4, nay thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 40, khi nhận

chuyển nhượng chỉ viết giấy tay với nhau và tại thời điểm chuyển nhượng thì bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án ông T1, bà T và các đương sự khác đã được Tòa án giải thích về quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng các đương không có yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trả lại cho nguyên đơn 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được của bị đơn.

[10]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 36.035.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN số tiền 18.017.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0004994 ngày 10/10/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN số tiền tính đến ngày 31/07/2019 là 801. 197. 778 đồng, trong đó nợ gốc là 490.000.000 đồng và nợ lãi là 311.197.778 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh, trên số dư nợ gốc kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5220LAV201100049, ngày 26/01/2011.

Sau khi, bị đơn bà Nguyễn Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho nguyên đơn, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh T- B Đắk Lắk có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản, giấy tờ đã thế chấp cho bị đơn bà Nguyễn Thị T tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011, là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 377232 do ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 31/03/2010.

Trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì toàn bộ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 25-01/11TC ngày 25/01/2011, được phát mại theo quy định của pháp luật để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Miễn nộp 36.035.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN số tiền 18.017.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0004994 ngày 10/10/2019.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

